

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: **96/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/12/2017

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 692/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Hoàng Trúc L, sinh năm 1991; cư trú tại: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1990; cư trú tại: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Hoàng Trúc L trình bày: Năm 2010, chị L và anh N quen biết, tìm hiểu nhau được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý nên đã tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (Nay là thành phố) T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2011, quyền số 01/2011 ngày 26/02/2011. Thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc, nhưng sau đó do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ khi

chị L sinh cháu thứ hai thì phát hiện anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, chị L đã khuyên anh N thay đổi để vợ chồng chung sống và chăm lo cho gia đình vì con cái nhưng đến khi sinh cháu thứ ba anh N vẫn không thay đổi mà vẫn cố tình quan hệ với người phụ nữ khác làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên hiện nay đã sống ly thân. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị L và anh N có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 31/8/2012; Nguyễn Nhật Minh A, sinh ngày 30/8/2014 và Nguyễn Nhật Thế A1, sinh ngày 19/12/2016. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 03 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng N, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh N được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Võ Hoàng Trúc L, rút yêu cầu về việc yêu cầu anh Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 11/9/2017, chị Võ Hoàng Trúc L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hoàng N

nên đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Nguyễn Hoàng N đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa và yêu cầu của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hoàng N không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh N.

Tại phiên tòa, chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị L về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Ngày 26/02/2011, chị L và anh N đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (Nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị L và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; anh N có quan hệ với người phụ nữ khác không còn quan tâm tới gia đình, không lo cho vợ con. Việc, chị L và anh N không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh N nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ anh N không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N.

[2.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị L và anh N có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 31/8/2012; cháu Nguyễn Nhật Minh A, sinh

ngày 30/8/2014 và cháu Nguyễn Nhật Thế A1, sinh ngày 19/12/2016. Khi ly hôn Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Xét thấy, từ khi sống ly thân, chị L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cháu Minh A và cháu Thế A1. Hơn nữa, anh N không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không biết anh N có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi các con hay không. Vì vậy, để cháu Thy, cháu Minh An, cháu Thế Anh phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu Thy, cháu Minh An, cháu Thế Anh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu của chị L về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng*: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000 đồng; anh N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Võ Hoàng Trúc L đối với yêu cầu anh Nguyễn Hoàng N phải cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/1 con chung.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Hoàng Trúc L về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng N.

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Hoàng Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2.2. *Về con chung*: Chị Võ Hoàng Trúc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 31/8/2012; cháu Nguyễn Nhật Minh A, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Nguyễn Nhật Thế A1, sinh ngày 19/12/2016.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

2.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Hoàng Trúc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Võ Hoàng Trúc L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001610 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

4. Chị Võ Hoàng Trúc L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Hoàng N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thế Vọng